



CẬP NHẬT QUÝ

Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (GAS: HOSE)

Giá mục tiêu: 86.000 Đồng

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**

Tăng giá: 3%

19/08/2026



Nhu cầu điện tích cực hỗ trợ tăng trưởng sản lượng khí khô

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu GAS, với giá mục tiêu 12 tháng không đổi ở mức **86.000 đồng/cp**, dựa trên hệ số P/E mục tiêu giữ ở mức 16x, tương đương tiềm năng tăng giá 3%. Chúng tôi chuyển kỳ định giá sang năm 2027 để phản ánh tốt hơn triển vọng trung hạn của doanh nghiệp.

Luận điểm đầu tư

- Chiến lược cân bằng nguồn cung:** Việc khai thác các mỏ khí mới và tăng cường nhập khẩu LNG có thể nâng cao tính chủ động trong đảm bảo nguồn cung nhiên liệu trong nước, đồng thời bù đắp rủi ro suy giảm mỏ khí dài hạn.
- Biên lợi nhuận gộp mảng khí tự nhiên cao hơn** sẽ là yếu tố quan trọng giúp duy trì triển vọng lợi nhuận tích cực trong giai đoạn 2026-2027.

KQKD 6T2026 và triển vọng năm 2026-2027

KQKD 6T2026: Doanh thu và LNST lần lượt đạt 81,3 nghìn tỷ đồng (+46% svck) và 9 nghìn tỷ đồng (+19% svck). Mảng khí khô và LNG tiếp tục là mảng đóng góp lớn nhất, chiếm gần 60% doanh thu:

- KQKD Q2/2026 vượt kỳ vọng của chúng tôi**, nhờ sản lượng cao hơn dự kiến và ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng 492 tỷ đồng khi GAS giảm đáng kể nợ xấu từ khách hàng lớn.
- Sau xung đột Trung Đông, giá dầu (FO Singapore và dầu thô Brent) tăng 23%-24% svck**, qua đó hỗ trợ mở rộng biên lợi nhuận và cũng là những yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận.
- Sản lượng khí khô cũng tăng 16% svck**, chủ yếu nhờ nhu cầu tích cực từ nhóm khách hàng điện (+26% svck). Chúng tôi cho rằng điều này đến từ sản lượng điện toàn quốc tăng 10% svck trong 6T2026, khiến huy động nhiệt điện tăng để bù đắp sản lượng thủy điện yếu.

Triển vọng năm 2026-2027: Với KQKD 6T2026, chúng tôi dự báo doanh thu năm 2026 đạt 162 nghìn tỷ đồng (+20% svck) và NPATMI đạt 16 nghìn tỷ đồng (+40% svck). Theo kịch bản cơ sở của chúng tôi, giá dầu có thể giảm trong năm 2027 từ nền cao của năm 2026, nhưng vẫn có thể duy trì cao hơn mức trước xung đột do những bất định kéo dài liên quan đến xung đột Trung Đông. Do đó, chúng tôi dự báo NPATMI năm 2027 giảm 17% svck, do giá dầu bình thường hóa và mức hoàn nhập dự phòng thấp hơn, hoặc có thể ghi nhận chi phí dự phòng.

Rủi ro và yếu tố hỗ trợ:

- Yếu tố hỗ trợ:** Đẩy nhanh đầu tư kho cảng LNG và tìm kiếm, phát triển các mỏ khí mới, cũng như gia tăng sử dụng LNG trong phát điện.
- Rủi ro đầu tư:** Rủi ro thiếu hụt khí tự nhiên cao hơn dự kiến; nhu cầu suy giảm do giá nhiên liệu toàn cầu duy trì ở mức cao; trì hoãn và thách thức trong phát triển điện khí LNG; xung đột Trung Đông kéo dài.

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính

Đơn vị: tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	89.954	103.564	135.129	161.961	160.612
Tăng trưởng DTT	-10,7%	15,1%	30,5%	19,9%	-0,8%
Biên lợi nhuận gộp	18,8%	17,0%	12,6%	14,1%	12,3%
NPATMI	11.606	10.398	11.414	16.005	13.315
EPS (VND)	4.732	4.140	4.647	6.459	5.374
Tăng trưởng EPS	-20,8%	-12,5%	12,2%	39,0%	-16,8%
Nợ/VCSH (x)	9,0%	5,2%	4,4%	3,8%	3,5%
Tỷ suất cổ tức	7,9%	3,1%	3,5%	2,4%	2,4%
ROE	18,6%	16,7%	17,9%	21,0%	15,7%
P/E (x)	15,2	16,0	15,6	12,9	15,5
P/B (x)	2,7	2,6	2,6	2,7	2,4
EV/EBITDA (x)	7,7	8,0	7,9	6,6	7,3

Nguồn: GAS, SSI Research

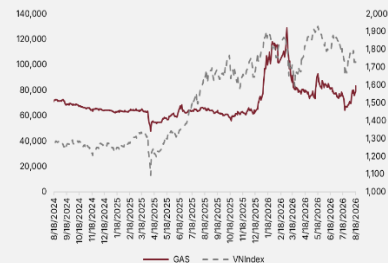
Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc TTPT

chaudm@ssi.com.vn

Giá CP - VND (18/8/26)	83.500
Vốn hóa (USDmn):	7.710
SLCP lưu hành (triệu cp):	2.413
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	1,5
Giá cao/thấp 52T (k VND):	128,7/56
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	4,5
Tỷ lệ SHNN (%):	2,1
GTNN còn được mua (USDmn):	3618,1
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	95,8

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

GAS là một công ty con quan trọng của Tập đoàn Petrovietnam (PVN). GAS có đường ống dẫn khí từ các mỏ ngoài khơi miền Nam Việt Nam và đóng vai trò là nhà phân phối khí cho các nhà máy điện, nhà máy sản xuất phân đạm và các hộ công nghiệp. Ba sản phẩm chính của GAS là: khí khô (chiếm phần lớn trong tổng doanh thu), LPG và condensate.

Nhìn lại 6T2026: Hoàn nhập dự phòng và sản lượng khí khô cao hơn kỳ vọng

Bảng 2: KQKD Q2/2026

Đơn vị: tỷ đồng	2Q26	2Q25	Tăng trưởng svck	1Q26	QoQ	Biên lợi nhuận			
						2Q26	2Q25	1Q26	2025
Doanh thu thuần	43.249	30.080	43,8%	38.020	13,8%				
Lợi nhuận gộp	7.783	4.954	57,1%	4.508	72,6%	18,0%	16,5%	11,9%	12,6%
Lợi nhuận hoạt động	7.150	5.700	25,5%	3.479	105,5%	16,5%	18,9%	9,2%	9,8%
EBIT	7.502	6.039	24,2%	3.808	97,0%	17,3%	20,1%	10,0%	10,8%
EBITDA	8.073	6.736	19,9%	4.364	85,0%	18,7%	22,4%	11,5%	12,8%
Lợi nhuận trước thuế	7.443	5.982	24,4%	3.755	98,2%	17,2%	19,9%	9,9%	10,6%
LNST	6.021	4.809	25,2%	2.994	101,1%	13,9%	16,0%	7,9%	8,6%
NPATMI	5.850	4.748	23,2%	2.945	98,7%	13,5%	15,8%	7,7%	8,4%

Nguồn: GAS, SSI Research

Bảng 3: KQKD 6T2026

Đơn vị: tỷ đồng	6T26	6T25	Tăng trưởng svck	% hoàn thành kế hoạch công ty	Biên lợi nhuận	
					6T26	6T25
Doanh thu thuần	81.269	55.756	45,8%	57%		
Lợi nhuận gộp	12.291	9.043	35,9%		15,1%	16,2%
Lợi nhuận hoạt động	10.630	8.903	19,4%		13,1%	16,0%
EBIT	11.310	9.523	18,8%		13,9%	17,1%
EBITDA	12.437	10.952	13,6%		15,3%	19,6%
Lợi nhuận trước thuế	11.198	9.410	19,0%	99%	13,8%	16,9%
LNST	9.016	7.571	19,1%	100%	11,1%	13,6%
NPATMI	8.795	7.504	17,2%		10,8%	13,5%

Nguồn: GAS, SSI Research

GAS ghi nhận doanh thu Q2/2026 đạt 43,2 nghìn tỷ đồng (+44% svck) và LNST đạt 6 nghìn tỷ đồng (+25% svck), vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng khí khô cao hơn dự kiến. Theo đó, LNST 6T2026 đạt 9 nghìn tỷ đồng (+19% svck) và hoàn thành kế hoạch cả năm.

Điểm nhấn KQKD 6T2026

- **Giá dầu nhiên liệu FO Singapore và dầu thô Brent tăng 23%-24% svck** do xung đột Trung Đông leo thang. Đây là những động lực tăng trưởng lợi nhuận chính, giúp biên lợi nhuận cải thiện.
- **Sản lượng khí khô (bao gồm LNG) đạt 3,6 tỷ m3 (+16% svck)**, chủ yếu nhờ nhu cầu khí từ nhóm khách hàng điện (+26% svck). Riêng trong Q2/2026, sản lượng đạt 2,1 tỷ m3 (+36% svck, theo ước tính của chúng tôi), cao hơn dự báo trước đó là 1,8-1,9 tỷ m3. Chúng tôi cho rằng mức vượt dự báo chủ yếu đến từ nhu cầu điện cao hơn kỳ vọng, với sản lượng điện toàn quốc 6T2026 tăng 10% svck (so với giả định trước đó của chúng tôi cho năm 2026 là 8,5%), cùng với sản lượng thủy điện yếu đi sau khi hiện tượng El Nino quay trở lại trong Q2/2026.
- Về phía nguồn cung, **GAS đã đưa vào phần cấp khí mới từ mỏ Hải Thạch - Mộc Tinh/Lô 05-2 & 05-3 từ đầu năm 2026, trong khi Sư Tử Trắng - Giai đoạn 2B chính thức đón dòng khí đầu tiên vào ngày 29/06/2026**. Những diễn biến này giúp cải thiện khả năng cấp khí, cho phép công ty tận dụng tốt hơn nhu cầu cao hơn dự kiến sau giai đoạn đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí trong các năm gần đây.
- **GAS ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng 492 tỷ đồng** (so với dự báo trước đó của chúng tôi là mức hoàn nhập không đáng kể), được hỗ trợ bởi việc giảm đáng kể nợ xấu từ khách hàng lớn, bao gồm PV Power (POW: HOSE), Tổng công ty

Tư vấn Thiết kế Dầu khí (PVE: UpCOM), Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP), Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - đơn vị thuộc EVN Genco 3 (PGV: HOSE), Công ty TNHH Năng lượng Mê Kông và Công ty TNHH Điện lực Phú Mỹ 3 BOT.

- **GAS đã ký các thỏa thuận LNG quy mô lớn** với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và PV Power, liên quan đến dự án Nhơn Trạch 3&4, nguồn cung LNG từ kho LNG Vũng Áng cho các nhà máy điện Quảng Trạch II và III (ký trong tháng 4) và có thể cung cấp LNG cho dự án điện khí LNG Vũng Áng III (Biên bản ghi nhớ được ký trong tháng 7). GAS cũng đang tìm kiếm, thúc đẩy hợp tác trung tâm dữ liệu với Nebula Energy, gắn với hạ tầng LNG.

Triển vọng năm 2026-2027

Xung đột Trung Đông vẫn ở mức căng thẳng và chưa có dấu hiệu rõ ràng về khả năng giải quyết, kết thúc sớm. Do đó, chúng tôi kỳ vọng giá dầu sẽ đạt đỉnh trong năm 2026 và quay về mức bình thường trong năm 2027, nhưng vẫn cao hơn mức trước xung đột.

Cụ thể, trong nửa cuối năm 2026, chúng tôi giả định giá FO/dầu thô Brent bình quân lần lượt trong khoảng 500-600 USD/tấn (+31% đến +57% svck) và 80-90 USD/thùng (+22% đến +37% svck), cùng với sản lượng khí khô tăng 21% svck (từ nền thấp của nửa cuối năm 2025), qua đó giúp NPATMI tăng trên 50% svck. Chúng tôi lưu ý rằng nhu cầu khí từ nhóm khách hàng điện trong nửa cuối năm 2025 khá thấp do huy động thủy điện khá thuận lợi. Trong khi đó, xu hướng này có thể đảo chiều trong nửa cuối năm 2026 do hiện tượng El Nino quay trở lại.

Là nhà cung cấp khí tự nhiên duy nhất và có thị phần LNG/LPG hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi cho rằng GAS sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong trung hạn.

Bảng 4: Các giả định chính giai đoạn 2026-2027

	Đơn vị	2024	2025	2026F	2027F
Giá dầu thô Brent	USD/thùng	80	68	80-90	75-85
Giá dầu nhiên liệu FO	USD/tấn	460	415	575	500
Giá LNG*	USD/MMBTU	11	10	15	13
Giá LPG	USD/tấn	711	614	694	602
Sản lượng khí khô (bao gồm LNG sử dụng trong nước)	Tỷ m3	6,4	6,2	7,3	7,8
Sản lượng LPG	Nghìn tấn	3.080	4.463	3.460	3.759
Sản lượng LNG kinh doanh	Nghìn tấn	0	637	255	255
Sản lượng Condensate	Nghìn tấn	76	69	76	77

Nguồn: GAS, SSI Research. *Không bao gồm giá phí liên quan đến việc tiếp nhận LNG nhập khẩu, lưu trữ, tái hóa khí và vận chuyển khí sau tái hóa.

Bảng 5: Dự báo lợi nhuận năm 2026

Tỷ đồng	2025	2026F	svck	Diễn giải
Doanh thu	135.129	161.961	20%	
Khí khô và LNG	53.718	85.485	59%	Chúng tôi điều chỉnh giả định sản lượng khí tăng thêm 5% dựa trên KQKD Q2/2026.
LPG	71.225	63.634	-11%	
Khác	10.186	12.842	26%	
Giá vốn hàng bán	-118.079	-138.989	18%	
Lợi nhuận gộp	17.051	22.972	35%	Được hỗ trợ bởi giá dầu và sản lượng tăng
Thu nhập tài chính	1.580	1.633	3%	
Chi phí tài chính	-384	-391	2%	
Chi phí bán hàng và QLDN	-3.926	-4.102	4%	Chúng tôi điều chỉnh giảm chi phí bán hàng và QLDN thêm 18%, phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng trong 6T2026.
Lợi nhuận trước thuế	14.359	20.156	40%	
LNST	11.572	16.225	40%	
NPATMI	11.414	16.005	40%	Chúng tôi tăng dự báo NPATMI thêm 20% nhờ giả định sản lượng khí khô cao hơn và chi phí bán hàng và QLDN thấp hơn.

Nguồn: GAS, SSI Research

Đối với năm 2027, chúng tôi dự báo NPATMI giảm 17% svck, phản ánh giả định giá dầu quay về mức bình thường và mức hoàn nhập dự phòng thấp hơn, hoặc có thể ghi nhận chi phí dự phòng.

Tóm tắt định giá

Chúng tôi giữ nguyên hệ số P/E mục tiêu ở mức 16x. Mặc dù tăng 20% dự báo NPATMI năm 2026, chúng tôi duy trì giá mục tiêu 12 tháng ở mức **86.000 đồng/cp**, khi chuyển cơ sở định giá sang năm 2027 để phản ánh tốt hơn triển vọng trung hạn. Với tiềm năng tăng giá 3%, chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu GAS. Tính đến cuối tháng 6/2026, số dư tiền ròng của GAS tương đương 21% giá trị vốn hóa thị trường, tạo nền tảng vững chắc để tài trợ các khoản đầu tư trong tương lai, đặc biệt là hạ tầng LNG.

Yếu tố hỗ trợ:

- Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kho cảng LNG và tìm kiếm, phát triển các mỏ khí mới.
- Việc gia tăng sử dụng LNG cho các nhà máy điện khí có thể củng cố mảng LNG.

Rủi ro đầu tư:

- Tác động kém tích cực từ tình trạng thiếu hụt khí tự nhiên nghiêm trọng hơn và giá nhiên liệu toàn cầu duy trì ở mức cao đối với sản lượng khí khô và LNG trong trung hạn.
- Sự trì hoãn và các thách thức trong phát triển điện khí LNG cũng như triển khai Quy hoạch điện VIII.
- Xung đột Trung Đông kéo dài.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.568	6.876	14.920	24.236
+ Đầu tư ngắn hạn	27.494	32.891	36.180	36.180
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	19.098	24.881	30.390	30.136
+ Hàng tồn kho	4.599	4.399	5.154	5.224
+ Tài sản ngắn hạn khác	531	855	764	761
Tổng tài sản ngắn hạn	57.290	69.902	87.407	96.537
+ Các khoản phải thu dài hạn	531	1.124	161	159
+ GTCL Tài sản cố định	18.222	15.951	15.589	15.150
+ Tài sản sinh học dài hạn	0	0	0	0
+ Bất động sản đầu tư	30	29	28	26
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.718	2.877	2.877	2.877
+ Đầu tư dài hạn	400	406	406	406
+ Tài sản dài hạn khác	3.663	3.279	2.894	2.932
Tổng tài sản dài hạn	24.564	23.666	21.954	21.551
Tổng tài sản	81.855	93.568	109.361	118.088
+ Nợ ngắn hạn	14.575	20.574	27.758	28.137
Trong đó: vay ngắn hạn	934	1.440	1.795	1.819
+ Nợ dài hạn	5.708	5.341	4.175	4.199
Trong đó: vay dài hạn	2.291	1.532	1.157	1.173
Tổng nợ phải trả	20.284	25.915	31.933	32.336
+ Vốn góp	23.427	24.129	24.129	24.129
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	9.553	12.484	22.038	30.178
+ Quỹ khác	28.591	31.040	31.260	31.444
Vốn chủ sở hữu	61.571	67.653	77.428	85.752
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	81.855	93.568	109.361	118.088
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	9.035	13.040	10.387	16.427
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	7.468	-6.469	-2.429	-2.409
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-16.612	-5.265	86	-4.702
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-109	1.307	8.044	9.315
Tiền đầu kỳ	5.669	5.568	6.876	14.920
Tiền cuối kỳ	5.568	6.876	14.920	24.236
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	3,93	3,4	3,15	3,43
Hệ số thanh toán nhanh	3,58	3,14	2,94	3,22
Hệ số thanh toán tiền mặt	2,27	1,93	1,84	2,15
Nợ ròng / EBITDA	-2	-1,92	-1,83	-2,66
Khả năng thanh toán lãi vay	42,34	67,46	92,05	75,73
Ngày phải thu	51,6	50,8	48,2	49,5
Ngày phải trả	28	27,8	28,6	25,7
Ngày tồn kho	18,1	13,9	12,5	13,4
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,75	0,72	0,71	0,73
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,25	0,28	0,29	0,27
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,38	0,41	0,38
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,04	0,04	0,03
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02

Nguồn: GAS, SSI Research

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	103.564	135.129	161.961	160.612
Giá vốn hàng bán	-85.910	-118.079	-138.989	-140.882
Lợi nhuận gộp	17.654	17.051	22.972	19.730
Lãi/lỗ từ thanh lý bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Doanh thu hoạt động tài chính	1.737	1.580	1.633	1.949
Chi phí tài chính	-660	-384	-391	-397
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-2.415	-2.602	-2.774	-2.753
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-3.197	-1.324	-1.328	-1.805
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.156	14.363	20.154	16.766
Thu nhập khác	16	-4	2	2
Lợi nhuận trước thuế	13.172	14.359	20.156	16.768
Lợi nhuận ròng	10.590	11.572	16.225	13.498
Lợi nhuận chia cho cổ đông	10.398	11.414	16.005	13.315
Lợi ích của cổ đông thiểu số	192	157	221	183
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	4.140	4.647	6.459	5.374
Giá trị sổ sách (VND)	25.718	27.475	31.434	34.808
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.100	2.500	2.000	2.000
EBIT	13.491	14.575	20.377	16.992
EBITDA	16.218	17.364	23.170	19.842
Tăng trưởng				
Doanh thu	15,1%	30,5%	19,9%	-0,8%
EBITDA	-9,9%	7,1%	33,4%	-14,4%
EBIT	-9,9%	8,0%	39,8%	-16,6%
Lợi nhuận ròng	-10,2%	9,3%	40,2%	-16,8%
Vốn chủ sở hữu	-5,7%	9,9%	14,4%	10,8%
Vốn điều lệ	2,0%	3,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-6,7%	14,3%	16,9%	8,0%
Định giá				
P/E	16	15,6	12,9	15,5
P/B	2,6	2,6	2,7	2,4
Giá/Doanh thu	1,5	1,3	1,2	1,3
Tỷ suất cổ tức	3,1%	3,5%	2,4%	2,4%
EV/EBITDA	8	7,9	6,6	7,3
EV/Doanh thu	1,3	1,0	0,9	0,9
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	17,0%	12,6%	14,2%	12,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	11,6%	9,8%	11,7%	9,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	10,2%	8,6%	10,0%	8,4%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,3%	1,9%	1,7%	1,7%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,1%	1,0%	0,8%	1,1%
ROE	16,7%	17,9%	21,0%	15,7%
ROA	12,5%	13,2%	14,8%	11,4%
ROIC	16,0%	17,3%	21,7%	16,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321